NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KĨ THUẬT TP HỒ CHÍ MINH

TS. DƯƠNG THỊ KIM OANH
Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật TP. HCM

1. Đặt vấn đề

Đứng trước yêu cầu ngày càng cao của xã hội về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học trở thành vấn đề cấp bách. Nhà giáo dục Nga K.D.Ushinsky đã viết: *"Trong việc giáo dục, tất cả phải dựa vào nhân cách người giáo dục"* [1]. Vì vậy, để hình thành các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, người giảng viên phải dùng nhân cách (phẩm chất và năng lực) của chính mình tác động tới sinh viên.

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP. HCM) đã và đang góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Trước những biến động to lớn của nền kinh tế và sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, người giảng viên cần có các năng lực tương ứng để đáp ứng được sự thay đổi mạnh mẽ này. Tuy nhiên, từ trước đến nay, tại Trường ĐHSPKT TP. HCM, các nghiên cứu đánh giá về năng lực của người giảng viên ít được đề cập. Vì vậy, kết quả nghiên cứu đánh giá của sinh viên về năng lực của người giảng viên nhà trường là những cơ sở khoa học để nhà trường thiết kế một cách hiệu quả các nội dung bồi dưỡng năng lực cho giảng viên, qua đó đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng cao của người học và đảm bảo được chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu đánh giá của sinh viên về năng lực của giảng viên Trường ĐHSPKT TP. HCM *(xem bảng 1)*

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định trực tiếp chất lượng và hiệu quả đào tạo ở bậc đại học là trình độ của đội ngũ giảng viên được thể hiện qua năng lực chuyên môn, năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực nghiên cứu khoa học. Vì vậy, để nghiên cứu đánh giá của sinh viên về năng lực của giảng viên Trường ĐHSPKT TP. HCM, chúng tôi đã tìm hiểu ý kiến của 808 sinh viên trong học kì II của năm học 2012 - 2013 và học kì I của năm học 2013 - 2014. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm khảo sát bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn (cá nhân và nhóm). Kết quả khảo sát của đề tài được xử lí bằng phần mềm SPSS, phiên bản 20.0

Kết quả thống kê cho thấy, cả 4 loại năng lực của người giảng viên đều được sinh viên đánh giá với mức điểm từ khá cao tới cao. Nói cách khác, theo đánh giá của sinh viên, giảng viên Trường ĐHSPKT TP. HCM là các thầy/cô có năng lực tốt, trong đó năng lực chuyên môn được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.22), kế đến là năng lực nghiên cứu khoa học (ĐTB = 3.82), thứ 3 là năng lực giáo dục (ĐTB = 3.71) và cuối cùng là năng lực dạy học (ĐTB = 3.67).

2.1. Năng lực chuyên môn *(xem bảng 2)*

Năng lực chuyên môn là một trong những thành tố quan trọng nhất để tạo nên năng lực của người giảng viên. Trong nghiên cứu này, năng lực trên được hầu hết sinh viên đánh giá với mức điểm cao, trong đó các biểu hiện thể hiện khả năng giải quyết các vấn đề liên quan tới lí thuyết và thực tiễn của giảng viên (4.2 < ĐTB < 4.5) (biểu hiện 1, 3, 2 và 4) có điểm trung bình cao hơn các biểu hiện đề cập tới khả năng tự học, và cập nhật được sự phát triển của công nghệ mới nhất thuộc lĩnh vực chuyên môn của người giảng viên (biểu hiện 4, 5).

Bảng 1: Kết quả đánh giá của sinh viên về năng lực của giảng viên trường ĐH SPKT TP. HCM

TT	Năng lực của người giảng viên	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Năng lực chuyên môn	4.22	0.32	1
2	Năng lực dạy học	3.67	0.41	4
3	Năng lực giáo dục	3.71	0.58	3
4	Năng lực nghiên cứu khoa học	3.82	0.55	2

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về các biểu hiện năng lực chuyên môn của giảng viên

TT	Năng lực chuyên môn	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Hiểu sâu và vững chắc hệ thống tri thức lí thuyết thuộc lĩnh vực chuyên môn	4.44	0.57	1
2	Thực hiện thành thạo các kĩ năng thực hành liên quan tới môn học	4.23	0.66	3
3	Thực hiện đúng kĩ thuật và đảm bảo an toàn các thao tác thực hành	4.25	0.58	2
4	Tiếp cận được với công nghệ mới liên quan tới lĩnh vực chuyên môn	4.11	0.55	5
5	Khả năng tự học và tự bồi dưỡng để mở rộng kiến thức và nâng cao kĩ năng thực hành	4.08	0.65	6
6	Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng liên quan tới lĩnh vực chuyên môn	4.21	0.60	4

Bảng 3: Đánh giá của sinh viên về các biểu hiện năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên

TT	Năng lực nghiên cứu khoa học	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Kết hợp phân tích các nghiên cứu khoa học có liên quan đến việc giải quyết các nhiệm vụ học tập	3.78	0.72	5
2	Đưa các tình huống thực tế gắn liền với nội dung dạy học	3.98	0.78	1
3	Hướng dẫn sinh viên thực hiện các tiểu luận nghiên cứu liên quan tới nội dung môn học hoặc ngành học	3.85	0.74	3
4	Phối hợp với sinh viên thực hiện các nghiên cứu khoa học liên quan tới nội dung môn học hoặc ngành học	3.81	0.70	4
5	Định hướng và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nghiên cứu khoa học gắn liền với thực tiễn và sự phát triển của ngành học	3.77	0.73	6
6	Cập nhật được các nghiên cứu mới liên quan tới nội dung môn học và ngành học	3.88	0.77	2

Sau hơn 50 năm hình thành và phát triển, đội ngũ giảng viên của Trường ĐH SPKT TP. HCM ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Hiện nay, tổng số giảng viên của trường là 594, trong đó có 23 PGS. TS; 85 TS; 360 ThS; 146 kĩ sư và cử nhân và 3 giảng viên trình độ khác. Ngoài ra, có rất nhiều giảng viên của trường đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước [2]. Đây là điều kiện quan trọng giúp sinh viên hình thành năng lực chuyên môn nghề nghiệp vững chắc.

Kết quả so sánh đánh giá của sinh viên về năng lực chuyên môn theo giới tính, theo năm học và khoa chuyên môn cho thấy, không có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa các tham số của khách thể nghiên cứu (P>0.05).

2.2. Năng lực nghiên cứu khoa học *(xem bảng 3)*

Phần lớn các biểu hiện của năng lực nghiên cứu khoa học được sinh viên đánh giá ở mức điểm khá cao (ĐTB > 3.8) (biểu hiện 2, 6, 3, 4). Đây là những biểu hiện thể hiện khả năng hướng dẫn và thực hiện các nghiên cứu khoa học liên quan tới lĩnh vực chuyên môn của các giảng viên.

Sử dụng kiểm nghiệm F cho thấy, không có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa các tham số giới tính, năm học và khoa chuyên môn trong đánh giá về năng lực nghiên cứu của người giảng viên của sinh viên Trường ĐHSPKT TP. HCM (P>0.05).

2.3. Năng lực giáo dục *(xem bảng 4)*

Kết quả khảo sát cho thấy, so với năng lực dạy học (ĐTB = 3.67), năng lực giáo dục (ĐTB = 3.71) của

Bảng 4: Đánh giá của sinh viên về các biểu hiện năng lực giáo dục của giảng viên

TT	Năng lực giáo dục	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Làm cho sinh viên nghe, tin và thực hiện theo các chỉ dẫn liên quan tới các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	3.75	0.71	2
2	Phát hiện và khéo léo giải quyết kịp thời các tình huống nảy sinh trong quá trình giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên	3.76	0.74	1
3	Xác định được các đặc điểm tâm lí lứa tuổi của sinh viên và ứng xử phù hợp với sinh viên	3.60	0.84	4
4	Tổ chức cho sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập để giáo dục các phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên	3.75	0.717	2
5	Đoàn kết các sinh viên trong lớp thành một tập thể thống nhất, có kỉ luật và nề nếp	3.69	0.81	3

giảng viên Trường ĐHSPKT TP. HCM được sinh viên đánh giá ở mức độ cao hơn (không có nhiều sự chênh lệch về mức điểm giữa hai nhóm năng lực này).

Sinh viên đánh giá cao nhất là những biểu hiện liên quan tới khả năng giáo dục các phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên (biểu hiện 2, 4 và 1). Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, sinh viên Đặng Văn T (khoa Điện - Điện tử) cho rằng: *"Các giảng viên của Khoa không chỉ giúp chúng em hình thành kiến thức và kĩ năng của lĩnh vực Điện tử mà còn đưa ra các tình huống nghề nghiệp, qua đó giúp chúng em thấy được sự cần thiết phải tuân thủ các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong thực tiễn"*.

Sinh viên đánh giá thấp hơn các biểu hiện liên quan tới khả năng xác định các đặc điểm tâm lí của sinh viên (ĐTB = 3.60) và khả năng đoàn kết sinh viên trong một tập thể lớp (ĐTB = 3.60) của giảng viên. Việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ học chế niên chế sang tín chỉ đã dẫn tới sự thay đổi tính ổn định trong cấu trúc lớp học. Các lớp học tồn tại theo thời gian học tập của từng học phần trong chương trình đào tạo. Thực tế này khiến nhiều giảng viên trẻ của trường gặp khó khăn trong việc đoàn kết các sinh viên thành một tập thể thống nhất, qua đó nâng cao chất lượng dạy - học. Điều này cho thấy, việc bồi dưỡng cho các giảng viên trẻ những kiến thức và kĩ năng về giao tiếp sư phạm và quản lí lớp trong bối cảnh dạy học mới là cần thiết.

Kết quả kiểm nghiệm F cho thấy, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về việc đánh giá năng lực giáo dục của giảng viên giữa sinh viên theo năm học và theo các khoa chuyên môn (P>0.05), song có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về việc đánh giá năng lực này của các sinh viên theo giới tính (P=0.00). Sinh viên nam (ĐTB =3.73) đánh giá năng lực giáo dục của giảng viên Trường ĐHSPKT TP. HCM cao hơn hẳn sinh viên nữ (ĐTB = 3.54). Điều này có nghĩa, sinh viên nữ đặt ra các yêu cầu cao hơn về năng lực giáo dục của người giảng viên so với sinh viên nam.

2.4. Năng lực dạy học *(xem bảng 5)*

Trong số 4 loại năng lực được nghiên cứu, mặc dù có mức điểm khá cao song năng lực dạy học được sinh viên đánh giá thấp nhất với ĐTB = 3.67 và mức độ tập trung của câu trả lời cao (ĐLC = 0.41).

Đối với năng lực dạy học, sinh viên đánh giá khá cao các biểu hiện liên quan tới khả năng phản hồi kết quả học tập của sinh viên (ĐTB=3.91), sắp xếp nội dung học tập đảm bảo tính khoa học, sư phạm và phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên (ĐTB = 3.83), đặt câu hỏi tốt (ĐTB = 3.82), trong đó biểu hiện *phản hồi khách quan* được đánh giá cao nhất.

Các biểu hiện cần thiết của năng lực dạy học (biểu hiện 10, 1, 6) có mức điểm đánh giá khá cao từ 3.6 < ĐTB < 3.8.

Các biểu hiện quan trọng của năng lực dạy học để đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học trong bối cảnh dạy - học mới là *giảng viên biết đặt mình vào vị trí của sinh viên để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp (ĐTB = 3.55), tạo bầu không khí học tập tích cực (ĐTB = 3.56), sử dụng phối kết hợp các phương pháp dạy học tích cực* (ĐTB = 3.52) có mức điểm thấp hơn cả trong số các biểu hiện của năng lực dạy học. Từ năm học 2012 - 2013, Trường ĐHSPKT TP. HCM bắt đầu triển khai chương trình đào tạo 150 tín chỉ được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO. Với việc triển khai chương trình đào tạo mới này, thời gian học trên lớp của sinh viên sẽ ít hơn. Điều này đồng nghĩa với việc sinh viên phải chuyển từ phương pháp học

Bảng 5: Đánh giá của sinh viên về các biểu hiện năng lực dạy học của giảng viên

TT	Năng lực dạy học	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, biểu cảm và vừa sức với trình độ nhận thức của sinh viên	3.67	0.80	5
2	Phát hiện kịp thời mức độ hiểu sai lệch của sinh viên để điều chỉnh	3.62	0.77	6
3	Kích thích sinh viên tích cực học tập, suy nghĩ độc lập và sáng tạo	3.58	0.80	7
4	Đặt mình vào vị trí của sinh viên để lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học phù hợp	3.55	0.84	9
5	Tạo bầu không khí tâm lí học tập tích cực	3.57	0.75	8
6	Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi sinh viên giải quyết nhiệm vụ học tập	3.62	0.78	6
7	Sắp xếp nội dung học tập đảm bảo tính khoa học, sư phạm và phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên	3.83	0.70	2
8	Sử dụng phối kết hợp các phương pháp dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho sinh viên	3.52	0.81	10
9	Đặt câu hỏi về nội dung học tập rõ, kích thích tư duy sáng tạo của sinh viên	3.82	0.73	3
10	Không lạm dụng bài giảng điện tử trong dạy học	3.72	0.85	4
11	Phản hồi khách quan và đưa ra được hướng khắc phục lỗi về kiến thức và kĩ năng của sinh viên	3.91	0.68	1

tập thụ động nghe giảng sang cách học tập tích cực, chủ động tham khảo tài liệu ở thư viện, Internet... Để giúp sinh viên học tập chủ động, bên cạnh các phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó chú trọng rèn luyện phương pháp tự học của sinh viên, qua đó hình thành tính ham học, ham tìm hiểu và khơi dậy nỗ lực ở từng sinh viên.

Trong giai đoạn phát triển mới hiện nay, đội ngũ giảng viên của trường ngày càng được trẻ hóa. Đây là các thầy cô có trình độ chuyên môn vững vàng, tốt nghiệp hạng ưu từ nhiều cơ sở đào tạo chuyên ngành kĩ thuật có uy tín trong và ngoài nước, song chưa được đào tạo bài bản và chuyên sâu về năng lực sư phạm. Vì vậy, trước những yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, nhiều giảng viên trẻ còn gặp khó khăn trong việc tổ chức hoạt động dạy học và hình thành năng lực tự học cho sinh viên. Kết quả khảo sát này một lần nữa cho thấy sự cần thiết của công tác bồi dưỡng năng lực dạy học cho giảng viên trẻ của Trường ĐHSPKT TP. HCM.

Kết quả kiểm F cho thấy, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa sinh viên theo các năm học (P>0.05), song có sự khác biệt trong đánh giá của sinh viên theo giới tính (P=0.00) và khoa chuyên môn (P=0.03) về năng lực dạy học của giảng viên. Về tham số giới tính, sinh viên nam đánh giá năng lực dạy học của giảng viên (ĐTB = 3.68) cao hơn sinh viên nữa (ĐTB = 3.56). Về tham số khoa chuyên môn, sinh viên khoa Cơ khí chế tạo máy (ĐTB =3.72) và Điện - Điện tử (ĐTB =3.71) đánh giá năng lực giảng viên cao hơn so với sinh viên khoa Xây dựng và Cơ học ứng dụng (ĐTB =3.64), Công nghệ thông tin (ĐTB =3.64), In và truyền thông (ĐTB =3.60) và Kinh tế (ĐTB =3.57). Đây cũng là 02 khoa chuyên môn có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài của Trường ĐHSPKT TP. HCM với đội ngũ giảng viên có rất nhiều kinh nghiệm giảng dạy và trình độ chuyên môn cao.

3. Kết luận

Để đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường đại học, trình độ của giảng viên được thể hiện thông qua các năng lực chuyên môn, năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực nghiên cứu khoa học giữ vai trò quyết định. Kết quả đánh giá của sinh viên Trường ĐHSPKT TP. HCM về năng lực của giảng viên cho thấy, bên cạnh những chính sách thúc đẩy giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học, việc tiếp tục

xây dựng các chương trình bồi dưỡng về năng lực sư phạm theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên cho giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ là vấn đề cấp thiết hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng, *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.

2. Phòng Tổ chức cán bộ - Trường ĐHSPKT TP.HCM, *Thống kê số liệu về tình hình nhân sự*, tháng 12 năm 2013.

SUMMARY

This article refers to the results of student evaluation about lecturer competencies in University of Technical Education Ho Chi Minh City. The results showed that, these competencies were evaluated from the quite high level to the high level, in that the professional competence ranked number 1, number 2 was the research competence, the educational competence ranked number 3 and the instructional competence was the lowest. So, improving the instructional competency and the educational competence for the young lecturers toward promoting positive and active learning of students is an urgent issue.

TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG QUẢN LÍ CHẤT LƯỢNG... *(Tiếp theo trang 46)*

Kết luận

- Đối với GDPT, cả ba cấp độ QLCL là KSCL, ĐBCL và QLCL tổng thể đều tồn tại và giữa chúng có mối quan hệ rất mềm dẻo, linh hoạt nhưng đều hướng tới việc cung cấp cho xã hội những "sản phẩm" giáo dục có chất lượng đạt các chuẩn mực theo quy định. Ảnh hưởng của các cấp độ QLCL nói trên đối với việc duy trì, phát triển chất lượng của các nhà trường cũng khác nhau: KSCL chỉ duy trì chất lượng mà không hướng tới nâng cao chất lượng; ĐBCL vừa duy trì chất lượng, vừa tạo động lực cải thiện nâng cao chất lượng thông qua cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội; QLCL tổng thể không chỉ duy trì, mà còn thường xuyên nâng cao chất lượng tới tầm văn hóa chất lượng với việc vào cuộc của tất cả các lực lượng có liên quan tới nhà trường ở mức độ hoàn toàn tự nguyện, tự giác;

- Trong ba cấp độ QLCL nói trên thì vai trò của hoạt động TĐG cũng khác nhau. Nếu ở KSCL, TĐG còn nặng về hình thức, mang tính ép buộc, đối phó là chính và ít có tác động tới việc nâng cao chất lượng nhà trường thì ở cấp độ ĐBCL mà nhất là QLCL tổng thể, TĐG có vai trò quan trọng, quyết định sự thành công của việc nâng cao chất lượng giáo dục một cách thường xuyên;

- Các trường THPT của Việt Nam hiện nay đang áp dụng cấp độ KSCL vào QLCL của mình, nhiều trường học ở khu vực kinh tế - xã hội phát triển đang hướng tới cấp độ ĐBCL; một số trường THPT trọng điểm của quốc gia hoặc của các tỉnh, thành phố lớn trong tương lai gần đang hướng tới việc QLCL ở cấp độ TQM. Do đó, quá trình TĐG cần dần được định hình, hoàn thiện, mà trước tiên là định hình, hoàn thiện việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, quy trình TĐG trường THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biljana Vrankovic, Maja rebersak, Jasmina Muraja, *Improvement of School Quality Through Key Objectives*, National Centre for External Evaluation in Education Marulicev trg 18, 10000 Zagreb CROATIA.

2. Edward, Sallis, (1993), *Total quality management in Education*.

3. Gerry McNamara, Joe O'Hara (2008), *Studies in Educational Evaluation*, Studies in Educational Evaluation (34), pp. 173–179.

4. Published by the Scottish Qualifications Authority (1999), *Guide to Assessment and Quality Assurance for Secondary Schools*, Published by the Scottish Qualifications Authority Hanover House, 24 Douglas Street, Glasgow G2 7NQ, and Ironmills Road, Dalkeith, Midlothian EH22 1LE.

5. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lí chất lượng giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SUMMARY

Discussing the different levels of quality management in upper secondary schools involves lots of ideas and opinions from scientists. Essentially, research conducted by foreign authors have mentioned three levels of education quality management through many different angles, i.e., quality survey, quality assurance and overall quality management, confirming the need for applying different quality management levels into school quality management. Quality management in general education can be divided into three levels, from low to high, from quality survey to quality assurance and then at the highest level, the overall quality management (TQM). The paper mentions the following issues: 1/ Various levels of quality management, conditions and possibility to apply such levels into quality management in upper secondary schools; 2/ Self-assessment within three levels of quality management in upper secondary schools.